

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

TS VŨ NGỌC THANH
Bộ Công Thương
Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương

Đồng Nai, tháng 8 năm 2019

1

NỘI DUNG

PHẦN I.

**HIỆN TRẠNG CHÍNH SÁCH
CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ QUỐC GIA**

PHẦN II.

**CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI
HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VÀ CHÍNH SÁCH**

2

PHẦN I. HIỆN TRẠNG CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ QUỐC GIA

3

Phần I. HIỆN TRẠNG CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ QUỐC GIA

Giới thiệu về sự ra đời của KN CNHT và Hệ thống CS đầu tiên về CNHT (QĐ 12/2011/QĐ-TTg, 24/02/2011).

Chính sách hiện hành về PT CNHT:

Nghị định 111/2015/NĐ-CP, ngày 03/11/2015

4

ĐỐI TƯỢNG CỦA CHÍNH SÁCH

Các tổ chức (CQQLNN; DN (NVV); hiệp hội) và cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) tại Việt Nam.

Xác định doanh nghiệp nhỏ (gồm cả siêu nhỏ) và vừa (DNNVV)

- + Tổng nguồn vốn: không quá 100 tỷ đồng;
- + Tổng doanh thu của năm trước liền kề: không quá 300 tỷ đồng.

5

ĐỐI TƯỢNG CỦA CHÍNH SÁCH

Theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng.

- + *Doanh nghiệp siêu nhỏ*: SLĐ tham gia BHXH BQ năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng;
- + *Doanh nghiệp nhỏ*: không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng.

6

ĐỐI TƯỢNG CỦA CHÍNH SÁCH

Theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng

Doanh nghiệp vừa: không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng.

7

MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. CNHT: các ngành CNSX NL, VL, LK và phụ tùng để cung cấp cho SX SP hoàn chỉnh.
2. DASX CNHT: DA ĐT tại Việt Nam, SX SPCNHT.
3. DMSP CNHT UTPT: SPCNT *tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP, ngày 03/11/2015*, điều chỉnh phù hợp với tình hình PTKTXH của đất nước theo từng thời kỳ.

8

MỘT SỐ KHÁI NIỆM

4. Hoạt động PT CNHT: Hoạt động trợ giúp của CQ QLNN, TC, CN về CNHT:

- *Đào tạo nguồn nhân lực;*
- *NC và PT, hỗ trợ CGCN SX SPCNHT;*
- *HTQT, phát triển thị trường;*
- *ĐTDA SX SPCNHT;*
- *Cung ứng dịch vụ phục vụ CNHT.*

9

MỘT SỐ KHÁI NIỆM

5. Chương trình PT CNHT: tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động xúc tiến, trợ giúp phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm mục tiêu phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

10

CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ hoạt động NCPT: SPCNHT thuộc DMSP CNHT UTPT được ưu đãi, hỗ trợ:

a) Được tài trợ từ Chương trình PT CNHT, hỗ trợ từ các Quỹ, nguồn kinh phí khác dành cho nghiên cứu, phát triển và đào tạo;

b) Được hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu và phát triển từ Chương trình PT CNHT đối với trường hợp tự đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả cao;

c) Được Nhà nước hỗ trợ tối đa đến 50% kinh phí đối với DASX thử nghiệm các SPCNHT.

11

CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

DA XD cơ sở NC&PT SX SPCNHT được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và được hưởng các ưu đãi sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai; được xem xét hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đầu tư trang thiết bị nghiên cứu từ Chương trình PT CNT.

12

2. Hoạt động ứng dụng và chuyển giao:

+ Thuộc DM SPCNHT UTPT;

+ Được hưởng ưu đãi CGCN và các UD khác;

+ Hỗ trợ từ CTPT CNHT:

a) Các dự án, đề án hợp tác giữa DNSX và các đơn vị có công nghệ ứng dụng trong việc CGCN được hỗ trợ một phần kinh phí (?);

b) Chi phí chế tạo thử nghiệm SPCNHT thuộc DM SPCNHT UTPT được hỗ trợ tối đa đến 50%.

c) Nhà nước hỗ trợ tối đa đến 75% chi phí CGCN đối với DASX vật liệu có sử dụng trên 85% nguyên liệu là sản phẩm của quá trình chế biến sâu khoáng sản trong nước (quặng kim loại, quặng phi kim loại và sản phẩm hóa dầu) để phục vụ cho SX SPCNHT.

13

3. Hoạt động phát triển nguồn nhân lực

+ DASX SPCNHT thuộc DM SPCNHTUTPT được hỗ trợ kinh phí từ CTPT CNHT cho đào tạo nguồn nhân lực;

+ Cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của CTPT CNHT được ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài theo các chương trình đào tạo của nhà nước.

+ Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho SX SPCNHT được tài trợ, hỗ trợ từ các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo và các quỹ chuyên biệt khác.

14

3. Hoạt động phát triển nguồn nhân lực

- + DASX SPCNHT thuộc DM SPCNHTUTPT được hỗ trợ kinh phí từ CTPT CNHT cho đào tạo nguồn nhân lực;
- + Cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của CTPT CNHT được ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài theo các chương trình đào tạo của nhà nước.
- + Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho SX SPCNHT được tài trợ, hỗ trợ từ các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo và các quỹ chuyên biệt khác.

15

CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

4. Hoạt động HTQT về CNHT

- + *Tạo mối liên kết giữa các tổ chức, cá nhân hoạt động CNHT Việt Nam và nước ngoài;*
- + *Đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm, CGCN tiên tiến vào Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cho các DN CNHT trong nước.*
- + *Thu hút, sử dụng có hiệu quả người có trình độ cao, lực lượng trẻ tài năng hợp tác nghiên cứu, giảng dạy CNHT tại Việt Nam.*

16

CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

5. Hỗ trợ phát triển thị trường

+ Ưu tiên tham gia vào CTXTTMQG.

+ Hỗ trợ một phần:

- Chi phí đăng ký thương hiệu;*
- Kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước và ngoài nước;*
- Kinh phí tiếp cận thông tin thị trường;*
- Phí dịch vụ từ CT PTCNHT.*

17

6. Trung tâm PT CNHT (BCT)

1. Thực hiện các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ chế tạo thử nghiệm SPCNHT thuộc DM SPCNHT UTPT;

2. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản trị sản xuất phù hợp tiêu chuẩn quốc tế;

3. Đào tạo nâng cao nhân lực quản lý kỹ thuật phục vụ SX CNHT;

4. Xúc tiến thương mại; tổ chức hội chợ, triển lãm;

5. Xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để thúc đẩy hoạt động CNHT.

18

CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

7. Chương trình PTCNHT:

Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân nâng cao năng lực trong hoạt động PT CNHT.

a) Hỗ trợ nâng cao năng lực doanh nghiệp:

QTDN, QTSX, Xúc tiến TM, PT thị trường,...;

b) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực;

c) Hỗ trợ NCPT, UDCG và ĐMCN trong SX

thử nghiệm linh kiện, phụ tùng và vật liệu;

19

7. Chương trình PTCNHT (Tiếp):

d) Phổ biến, cung cấp thông tin về các chính sách, thị trường và năng lực các ngành CNHT Việt Nam: Tổ chức hội thảo, xuất bản các bản tin, ấn phẩm và quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng khác;

đ) HTQT trong PT CNHT; xúc tiến thu hút FDI vào lĩnh vực CNHT;

e) Hỗ trợ XD tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các SPCNHT thuộc DM SPCNHT UTPT phù hợp, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và Khu vực;

g) XD và cập nhật CSDL về CNHT trong và ngoài nước trên trang thông tin điện tử chuyên về CNHT.

20

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Đối tượng được ưu đãi

DA SX SPCNHT thuộc DM SPCNHT UTPT:

- + Dự án đầu tư mới;**
- + Dự án mở rộng;**
- + DA ĐMCN có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%.**

21

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi chung

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

+ DNNVV: Được áp dụng có thời hạn mức thuế suất TTNDN thấp hơn mức thuế suất thông thường áp cho DN theo quy định của pháp luật về TTNDN.

+ DN siêu nhỏ: Được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.

22

Chính sách ưu đãi (tiếp)

b) Thuế nhập khẩu:

Miễn thuế NK đối với hàng hóa NK để tạo TSCĐ theo quy định của Luật thuế.

c) Tín dụng:

- DA SX SPCNHT thuộc DM UTPT được vay vốn với lãi suất vay tín dụng ưu đãi đầu tư từ nguồn tín dụng đầu tư của Nhà nước;
- Được vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức lãi suất cho vay theo trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ.

23

Chính sách ưu đãi (tiếp)

c) Tín dụng: DNNV

- + Được cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của DN để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng;
- + Được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV theo quy định.

24

Chính sách ưu đãi (tiếp)

d) Thuế giá trị gia tăng:

Doanh thu của SPCNHT thuộc DM SPCNHT UTPT được lựa chọn kê khai TGTGT theo tháng, theo năm, khai tạm tính theo quý.

đ) Bảo vệ môi trường:

DASX SPCNHT thuộc DM SPCNHT UTPT được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ BVMT VN cho hạng mục xử lý ô nhiễm, BVMT của DA.

25

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Ngoài các ưu đãi chung kể trên, DNNVV SX SPCNHT thuộc DM SPCNHT UTPT còn được hưởng các ưu đãi sau đây.

a) Tín dụng đầu tư: Được vay tối đa 70% vốn đầu tư tại các tổ chức tín dụng trên cơ sở bảo lãnh của các tổ chức bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV theo quy định khi đáp ứng các điều kiện sau:

26

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

a) Tín dụng đầu tư:

- Có tổng GTTS thế chấp, cầm cố tại tổ chức tín dụng tối thiểu 15% giá trị khoản vay, sau khi đã loại trừ GTTS cầm cố, thế chấp cho các khoản vay khác;
- Có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu tham gia DAĐT, sau khi trừ số vốn chủ sở hữu thu xếp cho các dự án khác;
- Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, không có các khoản nợ đọng nghĩa vụ với NSNN, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế khác.

27

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

b) Tiền thuê đất, mặt nước:

- Được miễn, giảm theo QĐ của PL về đất đai;
- Trường hợp DA có tính chất ĐB hoặc quy mô lớn mang lại HQ KTXH cần hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định như trên thì Bộ Tài chính phối hợp với Bộ KHĐT trình TTg QĐ trên cơ sở đề xuất của UBND tỉnh nơi có đất theo QĐ của PL về đất đai.

28

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ mặt bằng SX (Luật HT DNNVV):

Căn cứ vào điều kiện NSNN ĐP, UBND tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho DNNVV tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn.

Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

29

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ mặt bằng SX (Luật HT DNNVV):

- + Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho DNNVV quy định ở trên được thực hiện thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng KCN, KCNC, CCN để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- + Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ NSNN địa phương.
- + Việc hỗ trợ mặt bằng SX ở trên không áp dụng đối với DNNV FDI và DNNVV vốn nhà nước.

30

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung:

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ DNNVV nghiên cứu, ĐMCN, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

31

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung:

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. DN và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

32

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung:

3. Cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ sau đây:

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm TTNDN có thời hạn theo quy định của pháp luật về TTNDN.

33

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ mở rộng thị trường:

1. DN, tổ chức đầu tư, KD chuỗi PPSP có ít nhất 80% số DNNVV tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm SX tại Việt Nam được hưởng các hỗ trợ sau đây:

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm thuế TTNDN có thời hạn theo quy định của pháp luật về TTNDN.

3. DN siêu nhỏ, DNN được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

34

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý:

1. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp;
- c) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

35

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý:

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho DNNVV (mạng lưới tư vấn viên).

DNNVV được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

36

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý:

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật.

37

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:

DNNV được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng NSNN về KSKD và QTDN, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các DNNV.

Nhà nước tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho DNNV; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại DNNV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

38

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

Được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- a) Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành;***
- b) Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị.***

39

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

- a) Đào tạo chuyên sâu về công nghệ, kỹ thuật sản xuất; tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, chiến lược phát triển sản phẩm theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;***
- b) Cung cấp thông tin về nhu cầu kết nối, sản xuất, KD của các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;***

40

Chính sách ưu đãi: Ưu đãi cho DNNV

Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành (tiếp):

- c) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;
- d) Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;
- đ) Trong từng thời kỳ, CP quyết định CS cấp bù lãi suất đối với khoản vay của DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

41

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Chính sách ưu đãi:

Trường hợp đặc biệt

DAĐT SX SPCNHT thuộc DM SPCNHT UTPT thuộc địa bàn có ĐK KTXH khó khăn, đặc biệt khó khăn, ngoài các ưu đãi chung theo CS ưu đãi ở trên, còn được hưởng các ưu đãi đầu tư theo địa bàn.

42

DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN

I. NGÀNH DỆT, MAY

II. NGÀNH DA, GIÀY

III. NGÀNH ĐIỆN TỬ

IV. NGÀNH SẢN XUẤT LẮP RÁP Ô TÔ

V. NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO

**VI. CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ
CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO**

43

HẾT PHẦN I !

44

PHẦN II.

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH

ĐỒNG NAI

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VÀ

CHÍNH SÁCH

45

BỨC TRANH VỀ SXCN 2019

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu						
	Đơn vị tính	Thực hiện 4 tháng/2019	Ước tính tháng 5/2019	Ước tính 5 tháng/2019	Tháng 5/2019 so với tháng 5/2018 (%)	5 tháng /2019 so với cùng kỳ (%)
Đá xây dựng các loại	1000 m ³	5,984.5	1,633.6	7,618.1	104.60	105.27
Cà phê các loại	1000 Tấn	114.5	29.7	144.2	134.42	115.93
Bột ngọt	1000 Tấn	90.2	23.4	113.6	111.78	110.62
Thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	1000 Tấn	1,327.1	355.6	1,682.6	117.27	94.61
Thuốc lá sợi	Tấn	7,248.0	1,963.0	9,211.0	117.05	111.99
Sợi các loại	1000 Tấn	460.5	123.0	583.4	105.79	108.86
Vải các loại	Triệu m ²	215.8	59.4	275.2	103.72	109.99
Quần áo các loại (trừ quần áo thể thao)	1000 Cái	56,392.9	14,780.3	71,173.1	110.83	109.06
Giày dép các loại	Tr. Đôi	123.6	36.4	160.0	106.53	111.75
Thuốc bảo vệ thực vật	Tấn	1,222.0	402.3	1,624.3	122.19	128.34
Sơn các loại	1000 Tấn	42.9	13.2	56.1	113.06	107.86
Bao bì các loại	1000 Tấn	67.0	17.6	84.5	97.09	93.78
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	1000 m ³	783.7	174.3	958.1	94.93	107.77
Thép dạng thô và bán thành phẩm	1000 Tấn	222.3	54.1	276.3	96.24	103.08
Máy giặt	1000 Cái	169.6	38.3	207.8	214.41	155.47
Giường, tủ, bàn ghế	1000 Chiếc	4,707.7	1,205.7	5,913.5	100.38	101.26
Điện sản xuất	Triệu Kwh	4,031.7	1,109.2	5,140.9	114.47	103.15
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	4,454.0	1,300.0	5,754.0	117.33	112.38
Nước uống	Triệu m ³	53.2	12.5	65.7	99.05	107.99

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ĐỒNG NAI

PHẦN I: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN

- 1. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**
- 2. HẠN CHẾ CHÍNH**
- 3. GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH**

PHẦN II: CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

47

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

GTSX của các ngành CNHT 2017 chiếm khoảng 35% GTSXCN.

Trong đó:

- + SX cơ khí: 42,5%,**
- + SX nguyên phụ liệu dệt may - giày dép: 32%,**
- + SX chi tiết nhựa, cao su, hóa chất: 22,5%,**
- + SX linh kiện điện tử: 3%.**

48

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Bộ Công thương đánh giá là “cái nôi” của CNHT, cung ứng cho thị trường nội địa và XK sang các nước.

Năm 2017, giá trị ngành CNHT mang lại trên 150 ngàn tỷ đồng, tăng gần 9% so với năm 2016 và chiếm gần 28% trong GTSXCN của tỉnh.

49

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thủ tướng Chính phủ cho phép Đồng Nai thành lập 3 phân khu CNHT gồm: 1) *Phân khu thuộc KCN Giang Điền (114ha/529ha)*; 2) *Phân khu thuộc KCN Nhơn Trạch 6 (100ha/315ha)*; 3) *Phân khu thuộc KCN An Phước (47ha/201ha)*.

Ba phân khu này phục vụ cho các DN CNHT vào đầu tư SX.

50

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thu hút đầu tư tăng mạnh

- + 600 DN đang hoạt động trong lĩnh vực CNHT;
- + Đã trở thành 1 trong 3 địa phương dẫn đầu cả nước đã thu hút được nhiều nhà đầu tư trong lĩnh vực CNHT;
- + 3-4 năm qua, SL DN FDI ĐT vào CNHT tăng nhanh. Từ đầu 2019, có 18 DA thuộc lĩnh vực CNHT trong tổng số 53 dự án FDI cấp mới, với số vốn đăng ký chiếm hơn 41% trong tổng dự án cấp mới (theo BQL KCN Đồng Nai).

51

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thu hút đầu tư tăng mạnh

Có 4 lĩnh vực thu hút các nhà đầu tư quan tâm là:

- + *SX linh phụ kiện cho ngành dệt may, giày da;*
- + *SX thiết bị cho các loại máy móc;*
- + *SX linh kiện điện tử;*
- + *SX các sản phẩm hóa chất.*

52

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thu hút đầu tư tăng mạnh

Các DN dệt may, giày da lớn, trước đây phải nhập khẩu 80-95% nguyên phụ liệu dùng để sản xuất thì nay đã giảm xuống còn 50-60%.

Thậm chí, có những đơn hàng mà tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu chỉ còn 20-30%.

Lý do: mấy năm gần đây, nhiều DN FDI đã vào Việt Nam đầu tư sản xuất sợi, vải, da và các linh kiện liên quan, giá cả tương đối cạnh tranh nên các DN dễ dàng tìm nguồn cung tại Việt Nam.

Lĩnh vực sản xuất máy móc, điện tử cũng tương tự. 53

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Kết nối tại chỗ và trong nước tăng lên

Vài ba năm gần đây, bên cạnh việc XTTM ra nước ngoài, Đồng Nai đã *rất chú trọng đến XTTM tại chỗ và trong nước để hỗ trợ các DN FDI tại Đồng Nai và DN trong nước gặp gỡ, giới thiệu sản phẩm của mình để kết nối cung ứng sản phẩm đầu vào cho nhau, giảm mức độ NK*. KQ là nhiều DN FDI, DN trong nước đã tìm được nguyên liệu ngay địa bàn Tỉnh và các tỉnh lân cận, chủ động cho hoạt động sản xuất. Góp phần hình thành và tăng mối liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp FDI. 54

HẠN CHẾ CHÍNH

Ngành CNHT tại Đồng Nai vẫn còn những hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

- + *Quy mô CNHT còn nhỏ, chủng loại đơn điệu, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển các ngành công nghiệp chính yếu.*
- + *Sản phẩm CNHT có hàm lượng công nghệ cao còn thấp, chủ yếu là gia công và lắp ráp cụm linh kiện, sản xuất sản phẩm đơn giản là chính.*
- + *SP CNHT có GTGT thấp, sử dụng nhiều lao động.*

55

HẠN CHẾ CHÍNH

+ CNHT sản xuất nguyên, vật liệu như sắt, thép, kim loại màu, cao su kỹ thuật, nhựa kỹ thuật, da, bông... chưa phát triển, chủ yếu phải nhập khẩu.

+ Trình độ nguồn nhân lực còn rất thấp, do đó ảnh hưởng đến năng suất và khả năng cạnh tranh của CNHT trên thị trường trong nước và thế giới.

56

HẠN CHẾ CHÍNH

Doanh nghiệp CNHT khó tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi và vẫn phải vay vốn lãi suất cao.

Vấn đề lớn nhất của các DN CNHT trong nước, nhất là DNNVV, là có vốn để đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ và nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Do *khó tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước và vẫn phải vay với lãi suất rất cao* đã làm cho các DN trong nước rất khó cạnh tranh với các DN FDI.

57

HẠN CHẾ CHÍNH

Doanh nghiệp CNHT khó tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi và vẫn phải vay vốn lãi suất cao.

Theo NHNN Việt Nam chi nhánh Đồng Nai, nguyên nhân khiến không nhiều DN CNHT tiếp cận được nguồn vốn vay ưu đãi do nguồn vốn này chỉ cho vay ngắn hạn, dài nhất 12 tháng, trong khi nhu cầu của rất nhiều DN CNHT là vay trung và dài hạn, từ 3-5 năm nên nhiều DN ngại.

58

HẠNH CHẾ CHÍNH

Điều tra vừa qua cho thấy các DN CNHT ít được biết về nguồn vốn ưu đãi hỗ trợ cho lĩnh vực CNHT.

Nhiều DN CNHT cũng cho biết họ không nắm rõ chính sách ưu đãi này để tiếp cận.

Hầu hết các DN CNHT cũng đang vay vốn ngắn hạn với lãi suất 8 - 9%/năm, cao hơn 1,5 - 2,5%/năm so với mức lãi suất từ nguồn vốn vay ưu đãi.

59

HẠNH CHẾ CHÍNH

Doanh nghiệp CNHT Việt Nam còn yếu thế. Hiện các DN trong nước rất khó khăn trong việc tiếp cận và tham gia vào hệ thống SX SPCNHT của các tập đoàn lớn do thiếu thông tin cũng như năng lực sản xuất đáp ứng các yêu cầu của các tập đoàn lớn.

CNHT và các ngành công nghiệp chính yếu trên địa bàn Tỉnh vẫn chưa tìm được mối liên kết với nhau để hướng tới chuyên môn hoá và hợp tác hóa trong SXKD.

60

GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH

Đồng Nai đặt mục tiêu là CNHT, đến năm 2020, sẽ trở thành một ngành SXCN thế mạnh của tỉnh, do đó hỗ trợ tối đa để phát triển CNHT.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020) đã xác định *PT CNHT là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình PTKTXH.*

Sau đó, UBND Tỉnh đã ban hành *Đề án phát triển CNHT tỉnh giai đoạn 2016-2020.*

61

GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH

Tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối, giới thiệu sản phẩm... để các DN FDI trên địa bàn gặp gỡ DN CNHT trong nước tìm cơ hội cung ứng sản phẩm cho nhau.

Cần sớm hình thành các khu, cụm CNHT kèm theo các chính sách khuyến khích để thu hút DN đầu tư, đặc biệt các chính sách về tài chính, thuế, hỗ trợ kỹ thuật và quản trị SXKD.

62

GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH

Xây dựng chiến lược đầu tư vào KHCN và đào tạo nguồn nhân lực cho ngành CNHT. Đây là giải pháp quan trọng nhất trong giai đoạn hiện nay, vì việc nâng cao trình độ công nghệ chính là chìa khoá để phát triển CNHT.

Tạo điều kiện cho các DNNVV trong nước tiếp cận đất đai, chính sách thuế và tín dụng ưu đãi, tăng cường liên doanh liên kết, CGCN, XTTM, ...

63

GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, hoàn chỉnh cơ chế “một cửa liên thông”, đơn giản các quy trình, thủ tục, tạo môi trường thông thoáng cho đầu tư.

Tăng cường trách nhiệm các cấp, các ngành trong giải quyết, xử lý công việc, đảm bảo tập trung hỗ trợ và giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan đến nhà đầu tư.

64

GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH

Nghị quyết/Đề án PT CNHT đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: tập trung hỗ trợ các DN CNHT trong nước để tăng khả năng liên kết và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Các giải pháp hỗ trợ vốn cho DN CNHT từ quỹ đầu tư phát triển của Tỉnh, dành phần vốn ưu đãi cho các DN CNHT vay với lãi suất thấp và điều chỉnh chính sách hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với DNNVV trên địa bàn Tỉnh.

65

GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH

CS hỗ trợ các DNNVV tiếp cận tín dụng, tạo điều kiện cho các DN nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận được các chính sách ưu đãi của Chính phủ đã ban hành; giảm chi phí sử dụng hạ tầng khi thuê lại đất trong các CCN được ngân sách tỉnh hỗ trợ và khi di dời vào CCN sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí tháo dỡ, vận chuyển, hỗ trợ xây dựng cơ sở và phí sử dụng hạ tầng.

66

PHẦN II: CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ Ở ĐỒNG NAI

67

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

1- Kế hoạch số 7912/KH-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

Mục tiêu:

+ Tăng cường tạo lập môi trường kinh doanh công bằng, thân thiện, thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho DN hoạt động SXKD. Hỗ trợ PTDN;

68

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Mục tiêu (tiếp):

+ Khuyến khích DN luôn có hoạt động đổi mới, sáng tạo, UDKHCN vào SXKD; Khuyến khích và tạo thuận lợi hỗ trợ các cá nhân, DN khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và có tiềm năng tăng trưởng cao phát triển.

+ Đến năm 2020 có khoảng 32.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập.

69

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Nội dung:

1. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch toàn bộ thủ tục để tạo điều kiện thuận lợi.

2. Tạo lập hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, góp phần tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, ổn định tự do sáng tạo.

3. Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh.

4. Giảm chi phí kinh doanh.

5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

70

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Nội dung:

1. **Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch toàn bộ thủ tục để tạo điều kiện thuận lợi.**
2. **Tạo lập hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, góp phần tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, ổn định tự do sáng tạo.**
3. **Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh.**
4. **Giảm chi phí kinh doanh.**
5. **Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.**

71

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp

Thủ tục hành chính: yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được thực hiện một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ tại một cơ quan nhằm giảm chi phí cho DN.

- NHNN CN Đồng Nai: chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện một số giải pháp nhằm hỗ trợ DN, nhất là DNNVV tiếp cận vốn tín dụng.

- Quỹ ĐTPT tỉnh Đồng Nai: ưu tiên bố trí vốn cho vay đối với các dự án có hiệu quả của DNNVV với mức lãi suất ưu đãi theo quy định hiện hành của Quỹ; NC đề xuất thủ tục giải quyết cho vay vốn theo hướng công khai, minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp.

72

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của DN:

Thanh tra tỉnh: phối hợp chặt chẽ, thống nhất chương trình thanh tra hàng năm của các sở, ngành, địa phương đối với doanh nghiệp đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật, không chồng chéo, trùng lặp trong kế hoạch thanh tra giữa các ngành. Không thực hiện kiểm tra khi không có lý do chính đáng.

Công khai trước kế hoạch thanh tra kiểm tra doanh nghiệp; không thanh tra, kiểm tra khi không có căn cứ theo quy định của pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực về quản lý thuế;

Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá 01 lần/năm); Kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

73

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 (thực hiện theo Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 02/8/2016).

Mục tiêu chung:

Hỗ trợ DN trong công tác đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm giúp DN rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí trong công tác ĐKDN, gia nhập thị trường một cách nhanh nhất, hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

74

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Phạm vi hỗ trợ:

Hỗ trợ cá nhân, tổ chức (trừ các cá nhân, tổ chức làm dịch vụ đăng ký DN) trong việc soạn thảo hồ sơ đăng ký DN (bao gồm thành lập mới DN và thay đổi nội dung đăng ký DN); công bố thông tin nội dung đăng ký DN; thông báo về việc sử dụng mẫu của DN.

Kinh phí thực hiện:

+ Từ nguồn NSNN tỉnh để chi trả chi phí lập hồ sơ ĐKDN gồm: Chi tiền công thuê lao động, chi mua sắm trang thiết bị, chi mua giấy và mực in hồ sơ do ngân sách chi trả.

+ Dự toán kinh phí nhằm hỗ trợ soạn thảo hồ sơ ĐKDN trong giai đoạn 2016 - 2020 là: **1.154.157.000 đồng.**

75

ST T	Nội dung	Kinh phí thực hiện	Phân bổ kinh phí				
		(2016 - 2020)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Chi mua sắm trang thiết bị	76.500.000	76.500.000				
2	Chi tiền công thuê lao động	792.000.000	72.000.000	158.400.000	172.800.000	187.200.000	201.600.000
3	Giấy và mực in hồ sơ đăng ký mới	105.687.379	12.280.000	19.500.600	22.579.200	23.902.641	27.416.938
4	Giấy và mực in hồ sơ đăng ký thay đổi	105.325.293	14.812.000	17.673.600	20.784.330	24.161.949	27.893.414
5	Giấy và mực photo hồ sơ, chi phí khác	74.643.500	10.092.000	13.167.000	17.026.349	17.026.349	19.399.431
	TỔNG CỘNG	1.154.156.172	185.692.000	208.741.200	231.122.250	252.290.939	276.309.378

76

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Kế hoạch “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2018 - 2023” (Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2018).

- a) Hỗ trợ 30 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
- b) Hỗ trợ 05 dự án ươm tạo DN KHCN.
- c) Hỗ trợ PT 03 DN KHCN.
- d) 05 trường đại học, cao đẳng có giảng viên, giáo trình và giảng dạy về khởi nghiệp. Hình thành bộ giáo trình lý thuyết và thực hành về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, xây dựng bộ công cụ và giáo trình online.
- đ) Gia tăng chỉ số khởi nghiệp của tỉnh tăng 20% sau 05 năm.

77

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Đối tượng tham gia

- a) Các doanh nghiệp sử dụng 100% nguồn vốn trong nước có dự án hoặc mong muốn thực hiện đổi mới sáng tạo và tăng năng suất, chất lượng;
- b) Các trường học, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

78

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

NQ về một số CS HT PT ngành CNHT tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 của HĐND tỉnh (Dự thảo):

Phạm vi

Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

Đối tượng áp dụng

DNNVV có dự án đầu tư thuộc DM SPCNHT UTPT;
Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các khu, CCN, phân KCN chuyên ngành CNHT.

79

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Nội dung và mức hỗ trợ, kinh phí thực hiện

1- Hỗ trợ Dự án đầu tư mới, hoặc đầu tư mở rộng sản xuất SPCNHT, được hỗ trợ:

a- Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng hạ tầng trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời hạn 05 năm, kể từ thời điểm khởi công dự án, cụ thể:

+ DNV: hỗ trợ tối đa cho 01 doanh nghiệp là 3.000m² diện tích đất thuê trong khu, cụm công nghiệp, tổng chi phí sử dụng hạ tầng được hỗ trợ không quá 600.000.000 đồng/dự án/5năm.

80

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Nội dung và mức hỗ trợ, kinh phí thực hiện

+ DNN: hỗ trợ tối đa cho 01 doanh nghiệp là 1.500m² diện tích đất thuê trong khu, cụm công nghiệp, nhưng tổng chi phí sử dụng hạ tầng được hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/dự án/5năm.

b) Hỗ trợ 100% chi phí xử lý nước thải công nghiệp trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm dự án đi vào hoạt động, nhưng không quá 200.000.000 đồng/doanh nghiệp.

81

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Nội dung và mức hỗ trợ, kinh phí thực hiện

2- Hỗ trợ lãi vay đầu tư xây dựng cơ bản hoặc đầu tư thiết bị, công nghệ thuộc dự án công nghiệp hỗ trợ:

Thời gian hỗ trợ lãi vay: không quá 05 năm, kể từ ngày giải ngân lần đầu của các tổ chức tín dụng.

Mức vốn vay được hỗ trợ lãi vay: Đối với vốn vay đầu tư xây dựng cơ bản: được hỗ trợ lãi vay không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án, nhưng tổng mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 20 tỷ đồng cho 01 dự án, nhưng tổng chi phí hỗ trợ lãi vay không quá 04 tỷ đồng/dự án/5năm.

82

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Nội dung và mức hỗ trợ, kinh phí thực hiện

Đối với vốn vay đầu tư thiết bị, công nghệ tiến tiến, hiện đại, được hỗ trợ lãi vay không quá 85% tổng mức đầu tư của dự án, nhưng tổng mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 10 tỷ đồng cho 01 dự án, tổng chi phí hỗ trợ lãi vay không quá 02 tỷ đồng/dự án/5năm.

Mức lãi suất được hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng (loại trả lãi cuối kỳ) của Ngân hàng BIDV thông báo hàng tháng theo quy định.

Đối với dự án vay vốn bằng ngoại tệ, ngân sách hỗ trợ lãi suất tính theo tỷ giá quy đổi do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

83

KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ trong giai đoạn 2020-2025 là: 114,8 tỷ đồng,

trong đó: (tỷ đồng)

Năm 2020: 15,8; Năm 2021: 19,8; Năm 2022: 19,8;

Năm 2023: 19,8; Năm 2024: 19,8; Năm 2025: 19,8;

Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh.

84

S T T	Nội dung	Kinh phí thực hiện												
		2020		2021		2022		2023		2024		2025		Tổng kinh (đồng)
		Số	Kinh	Số	Kinh	Số	Kinh	Số	Kinh	Số	Kinh	Số	Kinh	
		lượng	phí	lượng	phí	lượng	phí	lượng	phí	lượng	phí	lượng	phí	
		(dự án)	(tỷ đồng)	(dự án)	(tỷ đồng)	(dự án)	(tỷ đồng)	(dự án)	(tỷ đồng)	(dự án)	(tỷ đồng)	(dự án)	(tỷ đồng)	
I	Hỗ trợ phí sử dụng hạ tầng cho doanh nghiệp 100% vốn trong nước đầu tư sản xuất CNHT trong khu, CCN trên địa bàn tỉnh		1,8		1,8		1,8		1,8		1,8		1,8	10,8
1	- Dự án đầu tư mới, hoặc đầu tư mở rộng (Doanh nghiệp quy mô vừa/3.000m ² /600.000.000 đồng)	2	1,2	2	1,2	2	1,2	2	1,2	2	1,2	2	1,2	7,2
2	- Dự án đầu tư mới, hoặc đầu tư mở rộng (Doanh nghiệp quy mô nhỏ/1.500m ² /300.000.000 đồng)	2	0,6	2	0,6	2	0,6	2	0,6	2	0,6	2	0,6	3,6
II	Hỗ trợ chi phí xử lý nước thải công nghiệp (200.000.000 đồng/doanh nghiệp)	5	1	5	1	5	1	5	1	5	1	5	1	6
III	Hỗ trợ lãi vay		14		18		18		18		18		18	104
1	Hỗ trợ lãi vay đối với vốn vay đầu tư xây dựng cơ bản	2	8	2	8	2	8	2	8	2	8	2	8	48
2	Hỗ trợ lãi vay đối với vốn vay đầu tư thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại	3	6	5	10	5	10	5	10	5	10	5	10	56
	TỔNG		15.8		19.8		19.8		19.8		19.8		19.8	114.8

HẾT CHUYÊN ĐỀ.

XIN CẢM ƠN!